

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29/9/2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Diệu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Duy Thanh

2. Ông Lê Giang Nam

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2021/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-DS ngày 31/8/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà H M Êban, sinh năm 1991 – *Có đơn xin xét xử vắng mặt*

Trú tại: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. *Bị đơn:* Ông Y C Niê, sinh năm 1988 – *vắng mặt*

Trú tại: Buôn P, thị trấn E1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà H M Êban trình bày:

Bà và ông Y C Niê tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012 sau thời gian quen biết, tìm hiểu được khoảng 02 năm, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã EaTu, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk ngày 12/12/2014. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do ông Y C hay quậy phá, uống rượu, có vài lần đánh vợ. Từ tháng 3/2019 cho đến nay vợ chồng không chung sống với nhau nữa, ông Y C về nhà bố mẹ ruột tại Buôn P, thị trấn E1, huyện C sinh sống. Nay xét thấy vợ

chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ chung sống với nhau nữa. Nguyên vọng của bà H M Êban yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Y C Niê.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Y L Êban, sinh ngày 23/3/2014; Y P, sinh ngày 08/8/2018. Nguyên vọng của bà H M Êban xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu ông Y C Niê phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Y C Niê trong quá trình tố tụng trình bày: Ông xác nhận quá trình chung sống, kết hôn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn, thời gian chung sống và con chung đúng như bà H M Êban trình bày. Quá trình Tòa án hòa giải ông Y C không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà H M Êban. Bà H M Êban được ly hôn ông Y C Niê.

Về con chung: Chấp nhận nguyên vọng của bà H M Êban, giao con chung cháu Y L Êban, sinh ngày 23/3/2014; Y P, sinh ngày 08/8/2018 cho bà H M Êban nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền Tòa án:

Bà H M Êban yêu cầu được ly hôn, giải quyết nuôi con chung với ông Y C Niê nên quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Ông Y C Niê hiện nay đang cư trú tại thị trấn E1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Y C Niê vẫn vắng mặt không có lý do, bà H M Êban có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội

đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H M Êban và ông Y C Niê tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã EaTu, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk ngày 12/12/2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa bà H M và ông Y C thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn ông Y C hay quậy phá, uống rượu, có vài lần đánh vợ, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần. Nếu ông Y C là người có trách nhiệm chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình thì mâu thuẫn sẽ được khắc phục kịp thời, vợ chồng có thể đoàn tụ. Tuy nhiên, ông Y C không có ý thức đoàn tụ để hàn gắn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, vợ chồng không chung sống với nhau đã hơn hai năm. Như vậy, hôn nhân của bà H M và ông Y C lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn bà H M Êban, cho bà H M Êban được ly hôn ông Y C Niê.

[4] Về con chung: Bà H M Êban và ông Y C Niê có 02 con chung là Y L Êban, sinh ngày 23/3/2014; Y P Êban, sinh ngày 08/8/2018. Trên cơ sở nguyện vọng của cháu Y L Êban cũng như của bà H M. Giao 02 con chung cho bà H M nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Bà H M Êban không yêu cầu ông Y C Niê phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà H M Êban phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H M Êban

Về quan hệ hôn nhân: Bà H M Êban được ly hôn ông Y C Niê

Về con chung: Giao cháu Y L Êban, sinh ngày 23/3/2014; Y P Êban, sinh ngày 08/8/2018 cho bà H M Êban được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà H M Êban phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà H M Êban đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0001187 ngày 04/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Cư M'gar;
- Thi hành án dân sự Cư M'gar;
- UBND xã EaTu, TP.Buôn Ma Thuột;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huyền Diệu